

# Tình yêu quê hương đất nước trong thơ văn Trịnh Hoài Đức

THẠC SỸ PHẠM QUỲNH AN

**T**rịnh Hoài Đức (1765 – 1825) có tên gọi khác là An, tên tự Chi Sơn, hiệu Cán Trai, là một nhà nho - văn thần thời Nguyễn, từng được các vua triều Nguyễn trọng dụng và có nhiều đãi ngộ. Là người gốc Minh Hương và là một trong ba nhà thơ của “Gia Định tam gia thi xã”, Trịnh Hoài Đức được biết đến như tác giả của những công trình có những đóng góp nhất định cho văn học Đàng Trong cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XX như *Cán Trai thi tập*, *Gia Định thành thông chí*, *Bắc sứ thi tập*, *Lịch đại kỳ nguyên*, *Khang tế lục*, *Gia Định tam gia thi tập*... Một chủ đề có ý nghĩa xuyên suốt trong dòng văn học Việt Nam trung đại, hiển hiện rõ nét trong thơ văn của Gia Định tam gia nói chung và trước tác của Trịnh Hoài Đức nói riêng, đó là tình yêu đối với quê hương, đất nước.

## 1. Bộ sách Gia Định thành thông chí – một công trình có giá trị lịch sử, địa lý, văn hóa về vùng đất Nam bộ

Được coi là sách lịch sử và địa lý chuyên tác đầu tiên về Nam bộ ở Việt Nam, *Gia Định thành thông chí* đánh dấu đóng góp quan trọng của Trịnh Hoài Đức trong việc nghiên cứu, ghi chép về mảnh đất Nam kỳ. Bộ sách được đánh giá cao về mặt giá trị lịch sử, địa lý, văn hóa và được ghi nhận về mặt diễn đạt, văn phong. Các sử gia triều Nguyễn đã dựa vào bộ sách này để soạn *Đại Nam thực lục* (Tiền biên), *Đại Nam liệt truyện* (Tiền biên), *Đại Nam nhất thống chí* (Phần Lục tỉnh Nam bộ). Năm 1862, sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, thực dân Pháp đã tổ chức biên dịch ngay *Gia Định thành thông chí*

nhằm phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa của mình. Tại Trung Quốc, bộ sách cũng được xuất bản cùng với *Lĩnh Nam trích quái* và *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* (1991) phục vụ việc nghiên cứu lịch sử di dân của người Hoa ở Việt Nam thời đầu nhà Thanh. Ở Việt Nam, cho đến nay, bộ sách vẫn được xem như một trong những sử liệu quan trọng nhất trong lĩnh vực nghiên cứu Nam bộ.

Việc ghi chép tỉ mỉ về vùng đất Nam bộ cho thấy sự quan tâm, tình yêu của tác giả đối với mảnh đất này. Gia Định vốn là tên dung để gọi tất cả miền Nam bộ. Gia Định thành bao gồm toàn vùng Nam bộ, gồm năm trấn. Gia Định thành thông chí ghi chép về miền Gia Định, tức miền Nam bộ xưa.

Vâng mệnh Gia Long, “kê khảo sự tích, cương vực, thổ sản trong địa hạt và đo xem đường sá xa gần, núi sông chỗ nào hiểm yếu hay bình thân, vẽ vào bản đồ, ghi chép biên bản theo từng khoản, cước chú rõ ràng, dâng lên để làm bình lục”, từ đó mà bộ sách được Trịnh Hoài Đức biên soạn. Nội dung của sách ghi chép lại đầy đủ và cụ thể việc hình thành các trấn, núi sông, cương vực, thành trì, khí hậu, sản vật, hoa quả, phong tục tập quán, tâm lý, tính cách, cách làm ăn, sinh hoạt của nhân dân cũng như lịch sử hình thành vùng đất Nam bộ ngày nay. Tác giả ghi chép cụ thể từ tên núi, tên sông, tên vùng đất, ngoài ra còn giải thích cận kề các địa danh ấy và miêu tả tỉ mỉ phong tục, tính cách người Nam bộ, với một lối viết giàu hình ảnh, trữ tình. Phải là người am hiểu và yêu mến vùng đất này, Trịnh Hoài Đức mới viết được đầy đủ, cụ thể và hay như thế. Chẳng hạn ông miêu tả sông Lá Buông: “Ở về phía tây cách trấn 11 dặm rưỡi, phía trên tiếp với ba cù lao Tân Chánh, Tân Triều và Ngô, hợp lưu chảy xuống tới giữa rồi tạo ra Kính Hồ sâu

rộng trong xanh, trần áp vùng thượng du của hòn Rùa, khói sóng chờn vờn, núi sông tươi đẹp, huyền ảo như bông lai tiên cảnh. Ở đây gồm nhiều cảnh đẹp như viễn phố quy phạm (buồm về bến xa), bình sa lạc nhật (nhận đáp bãi cát bằng), và tinh nham dạ vũ (núi tạnh, đêm mưa) khiến cho người có cảm hứng phong cảnh Tiêu Tương, vẽ thành tranh vậy”. Viết về phong tục của người Nam bộ, ông miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, chẳng hạn như miêu tả trò chơi đánh đu trong dịp tết nguyên đán: “Cột tre làm trụ, ở hai bên tả hữu đều trồng ba cây một chỗ chân dạng theo vòng tròn. Khoảng giữa giá đu chỗ hai càng đu đưa qua lại, hai bên tả hữu trước sau chia trồng xiên bốn cây trụ tre chân cách rộng ra, buộc chúm đầu tre vào cây giá cho chặt”, v.v...

Rõ ràng với công trình này, Trịnh Hoài Đức xứng đáng được vinh danh như một nhà văn hóa lớn của vùng đất Nam bộ. Công việc ghi chép, biên soạn lại lịch sử, địa lý và văn hóa của một vùng đất, đặc biệt là vùng đất mới được khai hoang, là một sứ mạng lớn lao và chỉ những người có kho kiến thức đồ sộ, phong phú về mọi mặt đời sống và lịch sử của vùng đất ấy, có tâm huyết và tình yêu tha thiết với vùng đất ấy mới có thể làm được. Trịnh Hoài Đức, một người gốc Minh Hương, đã đảm nhận trọng trách ấy và thành quả mà ông đạt được đã khẳng định nhân cách văn hóa của ông trong lịch sử dân tộc, cái dân tộc mà theo nguồn gốc xuất thân ông vốn không thuộc về.

## 2. Mảnh đất Gia Định

Tổ tiên Trịnh Hoài Đức gốc người huyện Trường Lạc, Phúc Kiến, Trung Quốc, nhưng sinh ra và lớn lên tại Gia Định, Trịnh Hoài Đức đã gắn hồn mình với mảnh đất ấy. Chuyện thơ văn xưa tả cảnh quê hương, đất nước là chuyện bình thường, âu đó cũng là đề tài mang tính cơ bản và chính thống trong truyền thống văn chương nước ta. Nhưng có cảm giác rằng Gia Định đi vào trong thơ văn Trịnh Hoài Đức không đơn giản như vậy. Là người viết Gia Định thành thông chí, hiểu từng hơi núi bốc lên, mạch ngầm của nước, hiểu cả những điều linh thiêng vô hình trên mảnh đất ấy, ông hẳn đã viết về Gia Định như một nơi tri ân với lòng mình. Trong *Thối thực truy biên tập* có ba chục bài thơ viết về Gia Định. Nếu như *Gia Định thành thông chí* là công trình dư địa chí, được viết trước hết với tinh thần muốn ghi chép lưu lại những dấu tích địa lý, lịch sử, văn hóa đất Gia Định (và đã được mang hiển

vua khi có chiếu cầu thư tịch cũ), thì những bài thơ về Gia Định xuất hiện hoàn toàn ngẫu hứng. Người nghệ sĩ ấy không thể đứng trước cái đẹp của mảnh đất quê hương, nơi mà chính Sur Không (ông nội Trịnh Hoài Đức) và sau đó là cha ông đã chọn để lưu lại vĩnh viễn. “Vừa là nhà văn vừa là nhà sử học, địa lý học, ngọn bút Trịnh Hoài Đức vừa mang tính chất chính xác rạch ròi của khoa học vừa mang cái nhạy bén tế nhị của một tâm hồn giàu cảm xúc để viết nên những bài thơ đặc sắc về vùng đất mà ông đã sống, đã yêu mến và gắn bó”.

Gia Định tam thập cảnh, phân Bội Văn Vận Phủ vận (Ba mươi cảnh Gia Định chia làm theo vận trong sách Bội Văn Vận Phủ) gồm ba mươi bài thơ viết về Gia Định trấn (vùng đất Nam bộ trước khi Minh Mạng chia thành lục tỉnh), làm theo vận trong sách “Bội Văn Vận Phủ” của nhà Thanh soạn ra. Ở đây, Gia Định được mô tả với những đường nét hiện thực sinh động, phóng khoáng. Đây cũng chính là đặc trưng của phong cách thơ Trịnh Hoài Đức. So với Ngô Nhơn Tĩnh và Lê Quang Định trong nhóm “Gia Định tam gia thi xã”, thơ ông thường thiên về mô tả cảnh thiên nhiên tươi tắn, cảnh sinh hoạt dân cư tấp nập, yên bình. Đó là cảnh của xóm chài, của những người tiêu phu đốn củi, cảnh câu cá dưới trăng, cuộc thi săn bắn, cảnh ươm tơ dệt lụa, cảnh phiên chợ, cảnh tàu thuyền đánh cá trở về... Đó là hình ảnh chim le le ngủ đầm sen, hạc ngủ đêm, hoa quít như ngọc trắng chi chít khắp núi, trăng in mặt hồ, đêm mưa trên sông... Một loạt các địa danh của vùng đất Nam bộ xưa in dấu trong thơ Trịnh Hoài Đức với những phong cảnh và sắc thái khác nhau: Hoa Phong, Bến Nghé, Hồ Nai, gò Cây Mai, Vườn Trầu, Tân Triều, Bình Thủy, Bến Cá, Bến Tiên, Trấn Định, Tắc Khái, Hòn Rùa, Gành Rái, Mỹ Tho, Phước Long...

Một ông tiêu ở Hồ Nai hát trên núi thối cũng đi vào trong thơ Trịnh Hoài Đức với nét đẹp khỏe khoắn, tươi vui của người lao động:

*Phong phi tiêu phát bạch bà bà,*

*Lộc động sơn trung suất tinh ca*

(Lộc Động tiêu ca)

Gió thổi tung mái tóc trắng phau phau của ông tiêu,

*Hát hồn nhiên trong núi ở Hồ Nai*

(Tiếng hát ông tiêu ở Hồ Nai)

Trịnh Hoài Đức tìm thấy vẻ đẹp hồn nhiên, trong trẻo của những cảnh tượng hết sức giản dị và bình thường ấy. Chỉ là mái tóc trắng phau bị gió thổi tung của ông tiêu, chỉ là hình ảnh

người nông dân vác bừa trên vai trở về nhà dưới bóng trăng mới mọc (Chu thổ sử vân – Đất đỏ bừa trong mây), chỉ là chút suy tư của khách đợi đồ tha thiết gửi vào nước sông trong (Tân Triều đãi độ - Đợi đồ bên Tân Triều), chỉ là một ngư ông uống rượu ngà say thối sáo trúc trên thuyền (Tiên Phố giang thôn – Làng bên sông ở Bến Tiên)..., nhưng tất cả đã đi vào thơ Hoài Đức hết sức sống động. Bức tranh Gia Định được ông vẽ bằng nhiều gam màu, nhưng màu sắc tươi vui, nhộn nhịp, khỏe khoắn vẫn là màu chủ đạo. Viết về ông tiêu nhưng không nói chuyện đốn củi mà tả mái tóc bay trong gió, tiếng hát trên núi; viết về ngư ông nhưng không nói chuyện đánh cá mà là chuyện say rượu thối sáo; viết về lũ trẻ chần trâu mà lại chỉ mô tả “sáo bằng ống sậy thổi tiếng vút lên mây”..., nhưng chính điều ấy đã giúp bức tranh về Gia Định hiện lên trước mắt độc giả hết sức thanh bình. Hoài Đức không chỉ mô tả cảnh sinh hoạt, lao động của người dân, ông còn gợi được nét thanh thân trên nét mặt và giọng hát khi họ lao động, và thậm chí cả vẻ nhàn rỗi, thư thả của họ khi thả hồn vào thiên nhiên. Điều mà Hoài Đức kiếm tìm không phải bản thân hiện thực mà chính là vẻ đẹp của nó.

Việc tiếp cận với mảng đề tài đời sống của nhân dân và những cảm nhận mới mẻ, những hình ảnh giàu sức sống trong thơ Trịnh Hoài Đức cho thấy ông đã bắt đầu có những phá lệ đối với phong cách rập khuôn cổ điển của thơ văn xưa. Tinh thần thực tiễn và tính năng động của nhà nho Nam bộ lúc bấy giờ có lẽ đã làm khởi xướng trong văn học khuynh hướng bình dân hóa, ở đó hơi thở của nhân dân, hơi thở của cuộc sống đời thường tràn vào tác phẩm.

### 3. Nỗi nhớ quê hương, đất nước khi đi xa

Những lần đi sứ bên nước ngoài, Trịnh Hoài Đức có nhiều bài thơ ghi chép về chuyến đi (Sứ hành thứ Quảng Đông thư hoài – Sứ bộ đến Quảng Đông viết, Du Hải Chàng tự tặng Tuệ Chân Thượng Nhân – Chơi chùa Hải Chàng tặng Tuệ Chân Thượng Nhân), ký thác những tình cảm trong cuộc hành trình (Quá Linh Đình Dương hữu cảm – Qua sông Linh Đình xúc cảm, Quê Lâm trừ dạ - Đêm trừ tịch ở Quê Lâm, Lữ thứ hoa triều – Tiết hoa triều nơi đất khách), đề tặng các quan lại, nhân sĩ nước bạn... Nhiều bài nặng về tính chất bang giao, như Tặng Hồ Môn tả dực tổng binh Hoàng Tiêu (Tặng tổng binh tả dực Hồ Môn Hoàng Tiêu), Tặng Đông Quan huyện chánh đường Phạm Văn An (Tặng chánh đường huyện Đông Quan Phạm Văn An), Tặng

Việt Thành bạn sứ Thái Thế Cao (Tặng quan tiếp sứ ở Việt Thành Thái Thế Cao)... Tuy nhiên, thi ca không bao giờ từ chối tình cảm cá nhân, ngược lại, tình cảm luôn tìm cách được bộc bạch trong thơ, nên người nghệ sĩ ấy đã dùng ngòi bút bày tỏ nỗi lòng canh cánh của mình trước những trọng trách chưa hoàn thành, nỗi nhớ mong đối với quê hương đất nước và khát vọng sớm được trở về.

Quan niệm rằng “đã dốc lòng đem thân giúp nước, khắp chốn đều là nhà” (Trí thân tong hứa quốc/ Đáo xứ tiện thành gia”, Hành quán khiển hứng – Hứng thơ đến nơi quán dịch), vậy nhưng khi đi sứ bên Trung Quốc, Trịnh Hoài Đức không nguôi được nỗi nhớ quê hương. Gặp tiết lập thu nơi đất khách, ông cảm được nỗi buồn của lá vàng rụng, niềm thê lương của gió heo may. Ông nhấn cánh nhận bay chờ nỗi mong nhớ của mình “gửi tới nhà ở Việt Nam” (Hà Nam lộ trung lập thu – Trên đường Hà Nam gặp tiết lập thu). “Đường xa gian nan nhận trách nhiệm nặng nề”, điều yên ủi lòng người lữ khách chính là “mộng trở về quê nhà chuông sớm giục” (Khai Phong phủ hành quán lập thu bệnh trung ngâm - Ở hành quán phủ Khai Phong lập thu ngâm trong lúc bệnh). Đất Trung Quốc chính là đất của tổ tiên Hoài Đức, nhưng nơi gắn bó máu thịt với ông lại chính là Việt Nam. Ở nơi này, ông đã lớn lên dưới “vùng trời nóng” (Viêm Thiên), bên “miền biển thơm” (Quê Hải); đó cũng là mảnh đất mà ông hiểu từng mạch ngầm xương máu của nó: “Núi non là xương của đất, sông nước là máu của đất, núi sông ấp ủ sinh dưỡng lưu thông” (Gia Định thành thông chí). Với một người hiểu và gắn bó với mảnh đất ấy như ông, nỗi nhớ khi rời xa nó đâm dằm trong tim và khởi phát ra trong thơ là điều hết sức tự nhiên. Khi dốc lòng vì đất nước, “khắp chốn đều là nhà”, biết vậy mà ông không thể không nhớ nhung, xao xuyến khi thấy lá rụng và những cánh nhận bay.

Khi ở nước Cao Miên, ông khẳng định tâm lòng vì lý tưởng, không thay đổi của mình: dẫu cho vật đổi sao dời, “không bỏ tâm lòng ban đầu như nước triều hôm sớm” (“Bất xả sơ tâm độc tịch triều”, Nguyên đán khách Cao Miên quốc – Nguyên đán làm khách ở nước Cao Miên). Có lần, ở Quê Lâm, Quảng Tây, ông than việc bị đình lại nơi đất khách, và chắc hẳn ông mong sớm được trở về Tổ quốc:

*Minh nhật tiêu hoa nan viễn hiến,*

*Lữ đình thân tử than tha đà*

(Quê Lâm trừ dạ)

*Ngày mai hoa hồ tiêu xa xôi khó dâng,  
Đình nơi đất khách, kẻ bầy tôi than nỗi lẫn lữa*  
(Đêm trừ tịch ở Quế Lâm)

Đi sứ trở về, Hoài Đức viết những câu thơ tràn đầy lòng tự hào dân tộc:

*Ký ngữ chường lam kinh tự tích,  
Phi diên thiếp thiếp trụ hồng ba*  
(Sứ bộ xuất Nam quan hồi quốc khẩu chiếm)

*(Nhấn bảo ai đó: vùng này lam chường nay chẳng khác xưa,*

*Chim diều hâu bay liệng chòn vờn, thường bị rơi xuống làn sóng lớn mà chết)*

(Thơ ứng khẩu khi sứ bộ ra khỏi cửa Nam quan trở về nước)

Tiểu truyện Mã Viện đời Đông Hán chép rằng: nước ta lam chường rất độc, có khi con diều hâu đương bay trên trời gặp phải chường khí xông lên liền rơi xuống chết nơi khe suối. Hoài Đức đã gọi lại tích này để khẳng định rằng nước Việt ta kiên cường bất khuất, sẽ chống chọi lại bất cứ kẻ thù nào.

#### 4. Tư tưởng trung quân

Trong quan niệm xưa, trung quân là biểu hiện cao độ của lòng yêu dân tộc. Văn chương triều Nguyễn, bên cạnh những công trình có nội dung giáo huấn (bản diễn ca Luận ngữ, Nữ tặc, Phụ châm tiện lã...), “nét chính chắc là ngợi ca công đức triều đại, cổ vũ lòng trung”, như GS. Lê Trí Viễn đã nhận xét. Ông còn viết: “Còn như bất kỳ ai cầm bút, dù chỉ trừ tình riêng tư, thông thường cũng không dám quên đề cao triều đường”. Là tôi thân triều Nguyễn, hơn nữa được vua “đề ý cậy nường, sẵn lòng yêu dấu”, cố nhiên Trịnh Hoài Đức luôn tâm niệm về việc trung quân. Hoài Đức, cũng như nhiều người trong đội ngũ trí thức Gia Định lúc bấy giờ “nhất hóa lý tưởng giúp nước lo đời muôn thủa của Nho gia vào với việc phục cụ cho chính quyền Nguyễn Ánh”. Trong bài Liên (Sen), ông lấy hình ảnh cây sen để nói về khát vọng được hành đạo của người quân tử. “Cần lưu ý là cho tới 1802, các nhà nho Gia Định chưa biết tới sự khủng hoảng tư tưởng mà các nhà nho Bắc Hà đã gặp phải, vì xã hội họ sống, trong sự phát triển có tính chất cục bộ và ở phạm vi địa phương của nó vẫn chưa rơi vào quỹ đạo suy thoái chung của tổ chức và ý thức hệ xã hội phong kiến Việt Nam. Chính vì vậy mà thơ văn của họ nhìn chung đều thể hiện tâm trạng lạc quan và thái độ nhập cuộc của tầng lớp trí thức ý thức được vai trò xã hội của mình và sẵn sàng chờ ngày được đại dụng”.

Khi đã là tôi thân của nhà Nguyễn, ông ca ngợi “thành vàng Gia Định”, biết ơn “vua thánh” đã “thống nhất sơn hà” và khẳng định sự hưng phục này thuận lòng trời, đã được định sẵn từ trước (Gia Định kim thành – Thành vàng Gia Định). Muốn tỏ bày quan điểm về sự trung thành, ông mượn tích Dự Nhượng: sau khi hành thích Triệu Vô Tuất không thành, Dự Nhượng chết, nhưng “nhà họ Triệu rớt cuộc tan nát” mà “câu Dự còn” (Dự Nhượng kiều – Câu Dự Nhượng). Hoài Đức nói chuyện quít ở Thù Vân mà liên tưởng đến chuyện “đức của nhà vua thịnh như biển mênh mông” (Thù Vân quát phố - Vườn quít ở Thù Vân). Đề tài ca tụng nhân vật lãnh đạo và kẻ sĩ quý tộc là đề tài nằm trong quỹ đạo chung của văn chương chính thống lúc bấy giờ. Ca ngợi lòng trung thành của các bậc danh thần nhà Nguyễn khi tuấn tiết ở thành Quy Nhơn trước sự vây hãm của quân Tây Sơn, Hoài Đức viết:

*Đột vì bất nhẫn nhân vì tịch,  
Bảo quốc duy tri ngã phi cung.  
Bát giác hòa đồng tâm cộng xích,  
Thiên thu danh dữ nhật tranh hồng*

(Vô đề)

*Phá vòng vây chẳng nề đem người ra thí mạng,*

*Báo ơn nước chỉ biết riêng ta dốc lòng.*

*Lầu Bát giác, lửa và tâm cùng đỏ,*

*Nghìn thu danh tranh sáng với vàng nhật*

(Không đề)

Mối quan hệ vua – tôi được nhà thơ coi như một cơ duyên của trời đất, vô thủy vô chung, thường hằng cùng vũ trụ: “Dưới trời ai dễ không tôi chúa” (Thơ Nôm II). Trong bài Thơ Nôm XVIII, ông trần trụi, bản khoả vì vận nước chưa yên và khẳng định trách nhiệm “tài non đền nợ nước”. Ở một bài thơ Nôm khác, Hoài Đức ví nỗi lòng đau đáu vì nước của ông như vàng trắng tròn giấu mình sau đám mây, như vị mặn chát của biển mênh mông:

*Trăng tròn mặt ủ mây chưa vén,  
Biển mặn lòng thương nước khó pha”*

(Thơ Nôm III)

Cây tùng, cây trúc thường được thơ văn xưa dùng để nói khí phách của người quân tử. Hình ảnh cây tùng trong một bài thơ của Hoài Đức được ông đề cập đến một cách khá mới mẻ. Cũng nói về sức chịu đựng sương tuyết giá rét, cũng mô tả “lá cành lúc nào cũng giữ được sắc biếc đậm”, nhưng cuối bài, tác giả mượn lời cây tùng khẳng định tâm lòng trung trinh của mình đối với vua, với triều đình. Cách nói của ông hết sức

tự nhiên, giản dị mà đầy sức thuyết phục:

*Lang miếu đông hương trường cứu kế,*

*Lương công xả ngã cánh hà dung*

(Đông tùng)

*Có kế lâu dài làm rường cột triều đình,*

*Người thợ mộc bỏ ta thì kém cỏi biết bao*

(Tùng mùa đông)

Giống như cây tùng kia có thể chịu được sự rét mướt của sương tuyết, Trịnh Hoài Đức sinh ra là để làm “rường cột triều đình”, và ông cần được tin dùng như cây tùng kia nằm trong tay người thợ mộc giỏi giang vậy. Từ tương nhập cuộc và khát vọng hành đạo là điều thường trực trong phần đông các nho sĩ miền Nam thời bấy giờ. Đối với Trịnh Hoài Đức và các nhà thơ trong Gia Định tam gia, những người ít nhiều bị phong kiến hóa trong quá trình tham gia chính quyền nhà Nguyễn, tâm niệm này càng trở nên rõ rệt.

Trong “*Tự đề tựa Cán Trai thi tập*”, Trịnh Hoài Đức có viết: “Ôi! Cách làm thơ khó như vậy sao!”. Ông đã không hề coi việc văn chương ai cũng có thể làm được và lúc nào cũng có thể làm được. Mặc dù giải thích việc ra đời của Cán Trai thi tập chỉ là “để biết lí lịch của tôi thuở bình sinh vất vả như vậy, mà giữ gìn cho mai hậu, chứ không dám gọi là trước tác đâu”, nhưng thi tập của ông nói riêng, cả mảng thơ văn ông để lại nói chung, đã khẳng định Trịnh Hoài Đức là một nhà thơ đích thực với một tài sản văn học mang giá

trị nhiều mặt, trong đó tình yêu quê hương, đất nước là một chủ đề nổi bật mà những ai quan tâm đến thơ văn Nam bộ thời trung đại nên tìm hiểu, nghiên cứu.▲

*Tài liệu tham khảo:*

1. Hoài Anh biên dịch, chủ giải (2006): *Gia Định tam gia*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
2. Trịnh Hoài Đức (1998): *Gia Định thành thông chí, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Viện Sử học, Nxb. Giáo dục.*
3. Nguyễn Khuê (1987): *Sài Gòn – Gia Định qua thơ văn xưa*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Phong Nam chủ biên (1997): *Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn*, Nxb. Giáo dục.
5. Cao Tự Thanh (1998): “*Văn học Hán Nôm ở Gia Định*”, *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tập II (Văn học)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Cao Tự Thanh, Hồng Duệ, Hoàng Mai chủ biên (2007): *100 câu hỏi về Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Cao Tự Thanh (1996): *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Trần Ngọc Vương chủ biên (2007): *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb. Giáo dục.